

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2018

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌM SƠN
KHOÁ XI, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Xét Tờ trình số 1353/TTr-UBND ngày 06/7/2018 của UBND thị xã Bim Sơn về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2018; Báo cáo thẩm tra số 71/BC-HĐND ngày 11/7/2018 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND và ý kiến Đại biểu HĐND Thị xã.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn điều chỉnh dự toán thu chi Ngân sách năm 2018 với các nội dung sau:

I. ĐIỀU CHỈNH THU CHI NGÂN SÁCH.

1. Thu Ngân sách:

- Dự toán giao đầu năm: 294.277 triệu đồng;
- Điều chỉnh dự toán: 27.462 triệu đồng;
- Dự toán sau điều chỉnh: 321.739 triệu đồng.

2. Chi Ngân sách:

- Dự toán giao đầu năm: 294.277 triệu đồng;
- Điều chỉnh dự toán: 27.462 triệu đồng;
- Dự toán sau điều chỉnh: 321.739 triệu đồng.

II. SẮP XẾP LẠI NHIỆM VỤ CHI.

1. Chi đầu tư XD CB: Tăng chi đầu tư XD CB 11.285 triệu đồng.

- + Từ nguồn chuyển nguồn 2017 sang 2018: 3.453 triệu đồng.
- + Từ nguồn kết dư Ngân sách: 8.131 triệu đồng.
- + Từ nguồn SNKT chi thường xuyên chuyển sang: 700 triệu đồng.
- + Giảm chi từ nguồn đóng góp chuyển sang chi thường xuyên: 1 tỷ đồng.

2. Chi thường xuyên: Tăng chi thường xuyên: 16.177 triệu đồng;

- + Tăng từ nguồn chuyển nguồn 2017 sang 2018: 7.529 triệu đồng.
- + Tăng từ nguồn kết dư Ngân sách: 14.861 triệu đồng.
- + Tăng chi từ nguồn thu đóng góp chuyển từ chi đầu tư sang: 1 tỷ đồng.

- + Giảm chi SNKT sang chi đầu tư: 700 triệu đồng.
- + Giảm chi sự nghiệp giáo dục từ nguồn thu học phí: 6.514 triệu đồng.

(Chi tiết tại các phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao UBND Thị xã căn cứ Nghị Quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật chỉ đạo các ngành thực hiện, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện, định kỳ báo cáo HĐND Thị xã.

Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và các Đại biểu HĐND thị xã có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND thị xã khoá XI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 24 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh (B/c);
- Thường vụ Thị uỷ (B/c);
- UBND thị xã;
- UBMTTQ và các Đoàn thể;
- TT, HĐND, UBND các xã, phường;
- Các ngành, CQ, ĐV trên địa bàn;
- Lưu.



Nguyễn Tiên Thuận

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 139/NQ-ĐMND ngày 24 tháng 7 năm 2018)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm				Điều chỉnh				Dự toán sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng cộng	Thị xã	Xã phường	Tổng cộng	Thị xã	Xã phường	Tổng cộng	Thị xã	Xã phường	Tổng cộng	Thị xã	Xã phường	
	TỔNG CỘNG	294.277	252.205	42.073	27.462	15.929	11.533	321.738	268.132	53.606				
1	Thu điều tiết	222.888	201.292	21.596	-3.000	-3.000		219.888	198.292	21.596				
-	Không tính phần điều tiết thu khác thuế quản lý				-3.000	-3.000								
2	Bổ sung từ NS cấp Tỉnh	46.815	26.339	20.477	3.000	3.000		49.815	29.338	20.477				
3	Thu chuyên nguồn				10.983	6.883	4.100	10.983	6.883	4.100				Cần cử Quyết toán 2017
4	Kết dư Ngân sách				22.992	15.559	7.433	22.992	15.559	7.433				
5	Thu đóng góp, thuế địa điểm, xã hội hóa, thu học phí	24.574	24.574		-6.514	-6.514		18.060	18.060	0				Giảm giao thu học phí theo quy định mới

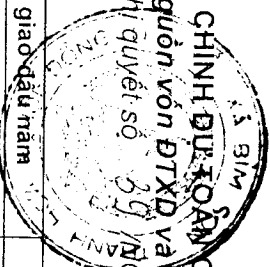
PHỤ LỤC 02

ĐIỀU CHỈNH ĐỀ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

Theo cơ cấu nguồn vốn DTXD và nguồn Sự nghiệp chi thường xuyên
(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2018)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm			Điều chỉnh			Dự toán sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
			Thị xã	Xã phường		Thị xã	Xã phường		Thị xã	Xã phường	
	TỔNG CỘNG	294.277	252.205	42.073	27.462	15.929	11.533	321.739	268.133	53.606	
I	CHI ĐẦU TƯ	90.588	79.582	11.007	11.285	8.249	3.036	101.874	87.831	14.043	
1	Vốn NS năm 2018	90.588	79.582	11.007	-300	-300	0	90.289	79.282	11.007	
1.1	Chi từ nguồn cấp quyền sử dụng đất	66.317	63.984	2.333				66.317	63.984	2.333	
	Trong đó: - Ghi chi cấp quyền SD đất	32.600	32.600					32.600	32.600	0	
1.2	Chi từ nguồn thu đóng góp	11.900	11.900		-1.000	-1.000		10.900	10.900	0	
1.3	Chi từ thu cấp quyền KTKS	1.038		1.038				1.038	0	1.038	
1.4	Chi từ nguồn phí BYMT sau KTKS và phí nước thải sinh hoạt	9.759	2.123	7.636				9.759	2.123	7.636	
1.5	Chi từ nguồn SNKT từ chi Thường xuyên chuyển lên (vốn Tỉnh giao)				700	700		700	700	0	
1.6	Ghi chi tiền thuê đất	1.575	1.575					1.575	1.575	0	
2	Nguồn chuyển nguồn từ 2017	0	0	0	3.454	3.454	0	3.454	3.454	0	
2.1	Nguồn mục tiêu				1.595	1.595		1.595	1.595		
2.2	Nguồn đã giao cho các đơn vị DT chuyển nguồn sang 2018				1.859	1.859		1.859	1.859		
3	Nguồn Kết dư NS	0	0	0	8.131	5.095	3.036	8.131	5.095	3.036	Căn cứ Quyết toán NS năm 2017
3.1	Nguồn Cấp quyền sử dụng đất				2.124	1.024	1.100	2.124	1.024	1.100	
3.2	Đóng góp				2.162	1.969	193	2.162	1.969	193	
3.3	Kết dư NS				3.845	2.102	1.743	3.845	2.102	1.743	
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	199.969	169.809	30.161	16.177	7.679	8.497	216.146	177.487	38.658	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	17.582	16.982	600	-700	-700		16.882	16.282	600	Chuyển nguồn vốn Tỉnh sang DT
2	Chi sự nghiệp môi trường	23.293	23.053	240				23.293	23.053	240	
3	Chi SN văn hóa-TDTT	7.963	7.668	295				7.963	7.668	295	
4	Chi SN Phát thanh truyền hình	1.062	975	87				1.062	975	87	
5	Chi SN Đảm bảo xã hội	10.895	9.690	1.205				10.895	9.690	1.205	



TT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm			Điều chỉnh			Dự toán sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
			Thị xã	Xã phường		Thị xã	Xã phường		Thị xã	Xã phường	
6	Chi SN y tế	10,472	10,472				10,472	10,472	0		
7	Chi SN giao dục	80,200	79,720	480	-6,514	-6,514	73,686	73,206	480		Giảm chi từ nguồn thu HP
8	Chi QLNN Đảng đoàn thể	43,484	17,208	26,276			43,484	17,208	26,276		
9	Chi Quốc phòng	1,972	1,878	94			1,972	1,878	94		
10	Chi An ninh	584	500	84			584	500	84		
11	Chi khác Ngân sách	2,463	1,663	800			2,463	1,663	800		
12	Kết dư NS				14,861	10,464	14,861	10,464	4,397		
-	Nguồn CCTL				7,000	5,834	7,000	5,834	1,166		
-	Nguồn chưa phân bổ				4,630	4,630	4,630	4,630	0		
-	Bổ sung MT chưa thực hiện				588		588	0	588		
13	Chuyển nguồn 2017 sang 2018				7,529	3,429	7,529	3,429	4,100		
-	Nguồn mục tiêu chuyển nguồn				5,293	1,412	5,293	1,412	3,881		
-	Dự phòng chưa sử dụng				100	0	100	0	100		
-	Nguồn đã giao cho các đơn vị DT chuyển nguồn sang 2018				2,017	2,017	2,017	2,017			
14	Chi từ nguồn di tích				1,000	1,000					
III	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	3,720	2,815	905			3,720	2,815	905		

Căn cứ Quyết
toán NS năm 2017

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI ĐÀU TƯ XDCB NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 39/HQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2018)

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	NỘI DUNG, TÊN DỰ ÁN	Dự toán giao đầu năm	Điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
A	B		2	3=1+2	4
	TỔNG CỘNG	90,588	11,285	101,874	
I	Ngân sách Thị xã	-79,582	8,249	87,831	
a	Ghi thu ghi chi	34,175	-	34,175	
-	Khu dân cư phố chợ tại khu nội thị số 2, Tây QL 1A xã Quang Trung	19,500		19,500	
-	Khu dân cư Nam Cỏ Đam, phường Lam Sơn	10,800		10,800	
-	Khu dân cư Đông QL1A, phường Bắc Sơn	2,300		2,300	
-	Ghi thu ghi chi tiền thuê đất	1,575		1,575	
b	Chi đầu tư các dự án	35,407	4,795	40,202	
1	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã Bim Sơn	11		11	
2	Trung tâm hội nghị-Nhà văn hóa	3,000	2,500	5,500	
3	Cải tạo đoạn tuyến đê Tả Sông Hoạt, xã Hà Lan, thị xã Bim Sơn	100	130	230	
4	Hạng mục: Đền Đức Ông và Lâu Vọng Ngự thuộc Công trình Bảo tồn, tôn tạo di tích Đền Sông	858		858	
5	HTKT khu dân cư 4+5 phường Bắc Sơn	1,800		1,800	
6	HTKT khu dân cư nam đường Trần Phú	1,600		1,600	
7	Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sông Sơn, thị xã Bim Sơn (Giai đoạn 2)	1,700		1,700	
8	Xây dựng công chào tại Km288+400 Quốc lộ 1A	205		205	
9	Cải tạo nâng cấp đường Tống Duy Tân phường Ba Đình hạng mục: Nền mặt đường, hệ thống điện chiếu sáng công cộng	98		98	
10	Đường Võ Thị Sáu (Đoạn từ đường Tô Vĩnh Diện đến đường Đoàn Kết) (Hạng mục: Nền mặt đường, hệ thống điện chiếu sáng)	250	(30)	220	
11	Cải tạo đường Thanh Niên, xã Quang Trung	500	287	787	
12	Nhà hiệu bộ trường THPT Lê Hồng Phong	1,500		1,500	
13	Cải tạo đường Hai Bà Trưng (Đoạn từ Quốc lộ 1A đến cầu Tam Điệp)	1,300		1,300	
14	Lắp đặt hệ thống cấp nước sinh hoạt từ D63-D90 phường Đông Sơn	360		360	
15	Tường kẻ trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã Bim Sơn	50		50	
16	Cải tạo các công trình phụ trợ cơ quan thị ủy	170		170	
17	Điện chiếu sáng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Phan Chu Trinh đến đường Lê Lợi)	150	8	158	
18	Sửa chữa nhà làm việc Thị ủy Bim Sơn	622		622	
19	Mở rộng đường Nguyễn Đức Cảnh (Đoạn qua khu trung tâm thể thao)	503		503	
20	Xây dựng lớp học trường Mầm non Xi măng	480		480	
21	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Kiên, phường Lam Sơn	450		450	
22	Cải tạo, nâng cấp đường Phan Đình Phùng, phường Ngọc Trao, Phú Sơn	2,000	500	2,500	
23	Tu bổ đình làng gạo	700		700	
24	Cải tạo đường Ngô Quyền, phường Ba Đình	650		650	
25	Sửa chữa, cải tạo trụ sở HĐND&UBND thị xã	2,200		2,200	
26	Xây dựng công trình phụ trợ Trung tâm hội nghị - Nhà văn hóa	2,000		2,000	
27	Di chuyển TBA tại KDC Nam Trần Phú	150		150	
28	Đầu tư xây dựng cải tạo khu vực đường vào Công chợ Bim Sơn	1,000		1,000	
29	Cải tạo công và xây dựng nhà bảo vệ Trường Trung cấp nghề Bim Sơn	180		180	

TT	NỘI DUNG, TÊN DỰ ÁN	Dự toán giao đầu năm	Điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
30	Thiết bị nội thất Trung tâm hội nghị - Nhà văn hóa	3.500	500	4.000	
31	HT đèn điện tử phục vụ Trung tâm hội nghị	770		770	
32	HT đèn trang trí chính trang đô thị năm 2018	700		700	
33	HTKT khu dân cư Bắc khu phố 2, phường Ba Đình, TX Bim Sơn	2.000		2.000	
34	HTKT khu dân cư Nam Đồi Bim, xã Quang Trung thị xã Bim Sơn	1.500		1.500	
35	Sàn nền tạo mặt bằng khu vực Trường TH và THCS Bắc Sơn	2.000		2.000	
36	Đường giao thông từ Quốc lộ 1A vào nhà máy XMLS và phía đông khu CN Bim Sơn		50	50	
37	Cải tạo nhà làm việc 3 tầng UBND thị xã Bim Sơn		500	500	
38	Cải tạo đập Sóc		700	700	
39	Chuẩn bị đầu tư	350	(350)	-	
c	Nguồn vốn hỗ trợ các đơn vị và thực hiện theo cơ chế HỖND	10.000		10.000	
	<i>Hỗ trợ xây dựng đường theo hình thức xã hội hóa; Hỗ trợ đạt chuẩn về giáo dục, y tế; Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới; Hỗ trợ xây dựng mương cứng các phường Đông Sơn, Lam Sơn, Phú Sơn;</i>				
d	Chi từ nguồn mục tiêu		1.595	1.595	
e	Nguồn đã giao cho các đơn vị DT chuyển nguồn sang 2018		1.859	1.859	
II	Ngân sách xã phường	11.006	3.036	14.043	

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN PHÂN BỐ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2018
(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2018)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
A	B	1	2	3=1+2	4
	TỔNG CỘNG	203,689	16,177	219,866	
I	CHI THƯỜNG XUYÊN	199,969	16,177	216,146	
1	Hội đồng nhân dân	1,983		1,983	
2	UBND thị xã	12,185		12,185	
3	Thị ủy	7,947		7,947	
4	Mặt trận tổ quốc	798		798	
5	Đoàn thanh niên	730		730	
6	Hội Phụ nữ	507		507	
7	Hội nông dân	693		693	
8	Hội Cựu chiến binh	517		517	
9	Trung tâm Văn hoá-TDTT	1,853		1,853	
10	Đài truyền thanh truyền hình thị xã	1,060		1,060	
11	Văn phòng đăng ký quyền SD đất	494		494	
12	Ban biên tập thông tin điện tử thị xã	200		200	
13	Hội người mù	243		243	
14	Phòng lao động - TB & XH	7,379		7,379	
15	Các hội đặc thù	712		712	
16	Chi sự nghiệp môi trường	13,162		13,162	
17	Sự nghiệp y tế	10,472		10,472	
18	Sự nghiệp giáo dục	79,170	(6,514)	72,656	
18.1	Chi thường xuyên	68,783		62,270	
18.2	Các nhiệm vụ chi	10,386		10,386	
-	Kinh phí đào tạo cán bộ	150		150	
-	Kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục	812		812	
-	Bồi dưỡng học sinh giỏi	300		300	
-	Chi ngành giáo dục	670		670	
-	GV thể dục	34		34	
-	Thao giảng cum TTBDCT	40		40	
-	Phụ cấp báo cáo viên	41		41	
-	Bản tin thông báo nội bộ	132		132	
-	Cơ sở vật chất giáo dục	1,500		1,500	
-	Kinh phí giáo viên thiếu, GV mới tiếp nhận, nâng lương thường xuyên và truy lĩnh	3,150		3,150	
-	1% khen thưởng, tiết kiệm 10% và các nhiệm vụ chi khác	3,150		3,150	
19	Ban QL các di tích xếp hạng QG	4,414		4,414	
20	Ban Chỉ huy quân sự Thị xã	2,051		2,051	
21	Công an Thị xã	580		580	
22	Các nhiệm vụ chi khác	21,756	3,930	25,686	
-	Chi kiến thiết thị chính, chi trả tiền điện sáng, chi quy hoạch và các khoản chi khác liên quan đến chỉnh trang đô thị	11,691		11,691	
-	KP hỗ trợ chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác ATVSTP	100		100	
-	Sửa chữa đê điều hồ đập, chi SN nông nghiệp và thủy lợi	1,000	(700)	300	
-	Quý hỗ trợ nông dân	50		50	
-	Kinh phí Quy hoạch, lập đề án tái định cư, chỉnh lý bản đồ, lập KH sử dụng đất, quan trắc hiện trạng môi trường...	1,800		1,800	
-	Các hoạt động PCCC	200		200	
-	Hoạt động của Hội thẩm nhân dân	50		50	

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
-	Kinh phí hỗ trợ nghiệp vụ khối nội chính	100		100	
-	Kinh phí hỗ trợ các đơn vị khác	200		200	
-	Kinh phí các ban chỉ đạo	300		300	
-	Hỗ trợ kinh phí mua máy chạy thận	337		337	
-	Nhà để xe Ban CHQS và mua sắm CSVC	200	50	250	Bổ sung theo DT được duyệt
-	Hỗ trợ diễn tập 2018 (Ban CHQS và xã phường)	200		200	
-	In phiếu Công đức	180		180	
-	Chương trình khởi nghiệp	250		250	
-	Kinh phí An toàn giao thông	350		350	
-	Sửa chữa, cải tạo CSVC trụ sở làm việc Công an	500		500	
-	Kinh phí bảo trợ xã hội theo NĐ 136, hỗ trợ đột xuất, thực hiện các chính sách bảo đảm xã hội	1,100		1,100	
-	Chính lý tài liệu, lập hồ sơ công việc, ứng dụng phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức	300		300	
-	Trang bị Camera kỹ thuật số cho Đài truyền thanh truyền hình	300		300	
-	Thực hiện quy chế phối hợp với Đài TH Tỉnh	70		70	
-	Mua sắm sửa chữa thiết bị CNTT	150		150	
-	Kinh phí ủy thác Ngân hàng chính sách	400		400	
-	Kinh phí tập huấn, học tập kinh nghiệm, hội nghị	450		450	
-	Tổ chức chương trình nghệ thuật đêm giao thừa		329	329	
-	Bổ sung kinh phí Đại hội TĐTT cấp tỉnh		169	169	
-	Nâng cấp, cải tạo trường bán phường Lam Sơn		60	60	
-	Tổ chức tết trồng cây		24	24	
-	Đảm bảo ANTT tết nguyên đán		26	26	
-	Hỗ trợ kinh phí cho Công an		60	60	
-	Tổ chức thi nghi thức đội - dân cũ hè 2018		38	38	
-	Tham gia hội thi "chi huy đội- phụ trách sao giới cấp tỉnh		17	17	
-	Trích 30% số tiền vi phạm nguyên tắc tài chính		52	52	
-	Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày môi trường thế giới		38	38	
-	Tổ chức ngày báo chí cách mạng VN		47	47	
-	Hỗ trợ phường Ngọc Trao		300	300	
-	Bổ sung Đại hội Hội nông dân		30	30	
-	Tập huấn nghiệp vụ kiểm tra giám sát Cụm và tổ chức các hoạt động kỷ niệm 70 năm ngày truyền thống Ngành Kiểm tra Đảng		161	161	
-	Hội nghị tôn vinh, biểu dương các điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2018		118	118	
-	Tham gia hội thi thể thao Gia đình Tỉnh Thanh Hóa		120	120	
-	Bổ sung chi các hoạt động cơ quan Đảng		409	409	
-	Bổ sung chi hoạt động cơ quan QLNN		495	495	
-	Hỗ trợ Nông dân tiêu thụ dưa		100	100	
-	Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế với huyện Thạch Thành		330	330	
*	Các nhiệm vụ phát sinh khác		3,135	3,135	

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
23	Chi hỗ trợ phường Bắc Sơn từ nguồn thu dầu đèn và thu bãi xe của di tích		1.000	1.000	
24	Xã phường	30.161	8.497	38.658	
25	Quý khen thưởng	900		900	
26	Nguồn CCTL (kết dư)		5.834	5.834	
27	Nguồn mục tiêu chuyển nguồn		1.412	1.412	
28	Nguồn đã giao cho các đơn vị DT chuyển nguồn sang 2018		2.017	2.017	
II	CHI TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG	3,720		3,720	